

Bản án số: 15/2019/HS-ST
Ngày 08 - 4 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Long Kiêm

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Chu Văn Mót

Bà Hoàng Hồng Nhung

Ông Đinh Nam Tước

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Mi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Ảnh và bà Hoàng Thị Minh Tuệ - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2019/TLST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/TLST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị H, sinh ngày 06/12/1981 tại tỉnh Bắc Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu tập thể trường Cao đẳng S Lạng Sơn, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Số 51A, khu P, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957 và bà Đoàn Hồng D, sinh năm 1959; chồng: Nguyễn Trung K, sinh năm 1985; con: Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Không có án tích và chưa bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 08/01/2018 đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Bế Quang H - Luật sư văn phòng Luật sư H, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Bị hại:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976; có mặt.

2. Bà Vi Thị Hồng O (Vi Hồng O), sinh năm 1977; có mặt.

Cùng địa chỉ: Số 10, khu P, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

3. Bà Tăng Thúy V, sinh năm 1976; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 24 phố Đ, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Số 15 phố Đ1, khu P, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

4. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 158 đường P1, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Nguyễn Trung K, sinh năm 1985; nơi ĐKKHKT: Khu tập thể Trường Cao đẳng S Lạng Sơn, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: 36/160 phố H, quận Đ, thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Ông Trần Văn T, sinh năm 1970; địa chỉ: Số 140 khu L, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

3. Bà Trịnh Thị Lan H, sinh năm 1980; địa chỉ: Khu tập thể G, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1959; địa chỉ: Số 3, đường P1, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

5. Bà Phạm Thị Mỹ H, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 113 đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

6. Bà Đoàn Thu H1, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 31 phố C, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

7. Ông Nguyễn Quốc K, sinh năm 1981; địa chỉ: Khu tập thể trường Cao đẳng S Lạng Sơn; có mặt.

8. Bà Lý Thị C, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 68 đường H, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

9. Bà Ngô Thị V A, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 193 T1, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

10. Bà Đỗ Thị Quỳnh A, sinh năm 1984; địa chỉ: Số, ngõ 2, đường L, khối 7, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

11. Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 126 đường T, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

12. Bà Đỗ Thanh H, sinh năm 1970; địa chỉ: Số 67 đường T, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

13. Bà Đoàn Hồng D, sinh năm 1960; có mặt.

14. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1958; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Khu 2, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

15. Bà Nông Hà L, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn P, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

16. Bà Lê Thị Lan A, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 19 T2, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

17. Ông Lương Viết T, sinh năm 1969; địa chỉ: Phòng 304 Ký túc xá trường Cao đẳng T, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.
18. Bà Chu Thị H, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.
19. Ông Trịnh Anh T, sinh năm 1989; địa chỉ: đường V, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.
20. Bà Hoàng Thu T, sinh năm 1987; địa chỉ: Khu I, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.
21. Bà Trần Thu G, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 66 đường H, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.
22. Ông Vi Quang H, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.
23. Bà Nguyễn Thị Mai L, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 42B đường V, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.
24. Ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1982; địa chỉ: Khu I, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.
25. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1987; địa chỉ: Khu 5, thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang; có mặt.
26. Bà Lương Thị Ngọc B, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 33/1 đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.
27. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn P1, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.
28. Bà Nguyễn Bích T, sinh năm 1970; địa chỉ: Số 10 đường N, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.
29. Bà Cao Hương L, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 74 đường T3, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.
30. Bà Lương Thị Hồng V, sinh năm 1980; địa chỉ: Ngõ 180 đường N, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.
31. Bà Võ Thị An P, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 357 đường A, quận T, thành phố Hà Nội; vắng mặt.
32. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 25 phố P, phường H, quận H, Hà Nội; vắng mặt.
33. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1984; địa chỉ: khu 2 thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang; có mặt.
34. Bà Vi Thị Hồng L - Sinh năm: 1986, trú tại: Số 19/12, đường B, phường Đ, thành phố L; vắng mặt.
35. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1985; địa chỉ: Khu 3, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.
36. Bà Vũ Thị Thu H, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 209 đường N1, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2012 đến năm 2017, Nguyễn Thị H có kinh doanh cho thuê trang phục biểu diễn nghệ thuật và mở quán Cafe Đ tại đường H, phường C, thành phố L. Quá trình kinh doanh, H có vay tiền của Trịnh Thị Lan H, Nguyễn Quốc H, Phạm Thị Mỹ H và nhiều người khác để kinh doanh.

Do kinh doanh không hiệu quả và số tiền vay của những người trên phải trả lãi cao, ngày 08/12/2016 H nói với chồng Nguyễn Trung K là cần tiền để đầu tư mở rộng kinh doanh quán Cafe Đ và bảo K cùng đến nhà Nguyễn Văn T vay 1.000.000.000 đồng với lãi suất 70.000.000 đồng/1tháng, khi vay có viết giấy biên nhận. Sau khi vay được tiền H dùng một phần đầu tư vào quán, một phần sử dụng vào việc trả nợ cho những người H đã vay trên và trả lãi cho Nguyễn Văn T. Tính đến tháng 12/2017 H đã trả được cho Nguyễn Văn T 700.000.000 đồng tiền lãi cho khoản vay này.

Sau lần vay này, do việc vay mượn được lặp đi lặp lại nhiều lần, số nợ ngày càng cao nhưng không có khả năng thanh toán nên H đã gặp Nguyễn Văn T và Vi Thị Hồng O (vợ T); Tăng Thúy V và Nguyễn Thị H1 nói mình cần vay tiền để đầu tư kinh doanh và đáo hạn Ngân hàng. Sau khi nhận được tiền vay, H đã chiếm đoạt và sử dụng vào mục đích trả nợ cho các khoản vay trước đó. Từ tháng 4/2017 đến tháng 12/2017, thông qua hình thức vay tiền Nguyễn Thị H đã chiếm đoạt của các bị hại tổng số tiền là **50.928.300.000 đồng**. Cụ thể số lần vay, số tiền vay và việc sử dụng các khoản vay như sau:

1. Bị hại Nguyễn Văn T và vợ là Vi Thị Hồng O

Lần 1: Ngày 01/4/2017, Nguyễn Thị H cùng chồng là Nguyễn Trung K đến nhà và vay của vợ, chồng T - O số tiền 3.000.000.000 đồng, lãi suất 70.000.000 đồng/1.000.000.000 đồng/1tháng. Sau khi vay được tiền, H đã sử dụng để trả nợ cho những khoản vay của nhiều người khác, trả tiền lãi cho số tiền 1.000.000.000 đồng vay của T ngày 08/12/2016 và tiền lãi của chính khoản vay này. Đến tháng 12/2017, H đã trả cho Nguyễn Văn T được 1.300.000.000 đồng tiền lãi.

Lần 2: Ngày 11/8/2017, H vay vợ, chồng T - O số tiền 2.500.000.000 đồng, lãi suất tính như lần vay 1. H đã sử dụng số tiền vay vào mục đích trả lãi quay vòng cho các khoản vay của T cũng như nhiều người khác. Tính đến tháng 12/2017, H trả được 500.000.000 đồng tiền lãi.

Lần 3: Ngày 01/11/2017, H đặt vấn đề vay vợ, chồng T - O để đáo hạn ngân hàng số tiền 11.000.000.000 đồng, lãi suất 5000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày. T - O đã giao số tiền trên cho H qua hai hình thức là giao tiền mặt và một phần chuyển qua tài khoản Ngân hàng.

Lần 4; Ngày 07/11/2017, H vay 11.000.000.000 đồng với lãi suất như lần vay ngày 01/11/2017. Do T không có tiền mặt nên T đã liên hệ với Trần Văn T để vay Trần Văn T số tiền 11.000.000.000 đồng đưa cho H.

Lần 5: Sáng ngày 09/11/2017, lấy lý do để đáo hạn ngân hàng, H đã vay T - O số tiền 9.000.000.000 đồng với lãi suất như lần vay ngày 01/11/2017. Do T không có đủ tiền nên chỉ cho H vay 5.000.000.000 đồng. Đến chiều cùng ngày, H tiếp tục vay T 4.000.000.000 đồng với lãi suất vay là 5000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. T đã vay của Trần Văn T số tiền 4.000.000.000 đồng đưa cho H.

Lần 6: Ngày 14/11/2017, H vay số tiền 6.000.000.000 đồng với lãi suất như lần vay ngày 09/11/2017, lý do để đáo hạn ngân hàng. H nói hôm sau sẽ hoàn trả toàn bộ các khoản vay các lần trước đó. T - O đã đưa đủ 6.000.000.000 đồng cho H vay.

Sau khi Nguyễn Văn T phát hiện sự việc gian dối và yêu cầu H phải trả lại số tiền đã vay. Ngày 01/12/2017, H đã vay tiền của Đoàn Thu H1, để trả cho T số tiền 770.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền mà Nguyễn Thị H đã chiếm đoạt của vợ chồng Nguyễn Văn T là **42.500.000.000 đồng**. Quá trình vay, H đã trả được cho T - O là **2.570.000.000 đồng** theo các hình thức trả tiền lãi và gốc, hiện còn chiếm đoạt là **39.930.000.000 đồng**.

Đối với khoản vay ngày 08/12/2016, vợ chồng H, K vay T số tiền **1.000.000.000 đồng** để đầu tư kinh doanh trang phục biểu diễn và mở rộng quán Café Đ, đã trả **700.000.000 đồng**, còn **300.000.000 đồng**. Cơ quan điều tra xác định đây là giao dịch dân sự.

(BL 475 - 477, 479 - 493, 500 - 510, 514 - 517, 520 - 525, 528- 531).

2. Bị hại Tăng Thúy V

Lần 1: Thông qua Nguyễn Văn T, H biết Tăng Thúy V. Để có tiền trang trải việc quay vòng thanh toán nợ của T và một số người nêu trên, ngày 01/11/2017, H nói với V cần tiền để đáo hạn ngân hàng cho các khách hàng của H, lợi nhuận thu về của khách sẽ được chia đều. V đồng ý cho H vay số tiền 10.000.000.000 đồng. Ngày 02/11/2017, V chuyển 4.000.000.000 đồng vào tài khoản Agribank số 8400205188679 và 6.000.000.000 đồng vào tài khoản BIDV số 35110000420989 của H. H đã sử dụng toàn bộ số tiền này để trả nợ cho Nguyễn Văn T và những người khác.

Lần 2: Sau lần vay đầu tiên, H vay thêm của V số tiền 500.000.000 đồng. V bảo con gái của V là Nguyễn Huyền T, sinh năm 1994 mang số tiền trên đưa trực tiếp cho H tại cổng Ngân hàng BIDV Lạng Sơn. Số tiền này H đã sử dụng vào việc trả nợ cho người khác. Để tạo lòng tin đối với V, H đã vay của Nguyễn Quốc K số tiền 5.000.000.000 đồng trả cho V bằng hình thức chuyển tiền đến các số tài khoản mà V yêu cầu.

Lần 3: Đến ngày 21/11/2017, H tiếp tục vay V số tiền 2.000.000.000 đồng, nói là để đáo hạn khoản vay thế chấp ngôi nhà số 51A, khu P II, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn của H tại Ngân hàng BIDV Lạng Sơn. V yêu cầu phải có xác nhận của Nguyễn Trung K (Chồng H), nên H đã nói dối K về việc cần tiền để đáo hạn khoản vay thế chấp ngôi nhà nêu trên và bảo K liên lạc, thuyết phục V cho vay tiền. K không biết mục đích H sử dụng số tiền này như thế nào nên đã gọi điện thuyết phục V cho vay. V đồng ý và chuyển

2.000.000.000 đồng đến tài khoản Ngân hàng BIDV số 35110000420989 của Nguyễn Thị H2. Nhận được tiền, H chuyển số tiền này đến số tài khoản 8400205188679 của H tại Ngân hàng Agribank Lạng Sơn. Sau đó H rút toàn bộ số tiền này và sử dụng vào việc trả nợ cho Nguyễn Văn T và những người khác.

Sau khi phát hiện H không có khả năng trả các khoản nợ trên, V đã yêu cầu H phải thanh toán tiền. Ngày 01/12/2017, H đã vay tiền của Đoàn Thu H1 để trả cho V số tiền 430.000.000 đồng; số tiền này, H đã vay của Lý Thị C, sinh năm 1977, trú tại số 68, đường H, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn và nhờ Chiêu chuyển vào tài khoản của Lại Thị L theo yêu cầu của Tăng Thúc V. Đoàn Thu H1 không yêu cầu H phải trả lại khoản tiền đã cho vay.

Tổng số tiền Nguyễn Thị H đã chiếm đoạt của Tăng Thúc V là **12.500.000.000 đồng**. H đã trả cho V số tiền **5.430.000.000 đồng** tiền gốc. Còn lại **7.070.000. 000 đồng**.

(BL 533 - 539, 543 – 550, 558 – 561, 564 – 565).

3. Bị hại Nguyễn Thị H1

Lần 1: Thông qua các mối quan hệ xã hội, H biết Nguyễn Thị H1 là người kinh doanh ngoại hối và cho vay. Ngày 27/9/2017, H đã nói dối cần tiền đáo hạn Ngân hàng để vay Nguyễn Thị H1 3.000.000.000 đồng với lãi suất 2000 đồng/1.000.000 đồng/1ngày. Nguyễn Thị H1 đồng ý và chuyển số tiền 3.000.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng BIDV số 35110000421317 của Nguyễn Trung K. Sau khi nhận được tiền, H chuyển 3.000.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng BIDV số 35110000436481 mang tên Ngô Thị Vân A để trả nợ cho Đỗ Thị Quỳnh A. Đến ngày 28/9/2017, sau khi vay được tiền của Nguyễn Văn T, H bảo Nguyễn Thị H1 cho số tài khoản để H chuyển tiền trả. Nguyễn Thị H1 cho H tài khoản số 030004346420 của Nguyễn Thị Thanh H. H đã sử dụng tài khoản Ngân hàng BIDV số 35110000420989 chuyển số tiền 3.500.000.000 đồng vào tài khoản của Nguyễn Thị Thanh H và chuyển 1.500.000.000 đồng vào tài khoản số 35110000310132 mở tại Ngân hàng BIDV của H2. Tổng số tiền Nguyễn Thị H đã chuyển cho Nguyễn Thị H1 là 5.000.000.000 đồng để trả nợ khoản vay 3.000.000.000 đồng và 6.000.000 đồng tiền lãi, còn dư 1.994.000.000 đồng, H đã đến nhà H1 để nhận lại.

Lần 2: Ngày 07/11/2017, do không có tiền trả nợ cho Nguyễn Văn T nên H nói với H1 là cần tiền đáo hạn Ngân hàng để vay Hà 2.700.000.000 đồng với lãi suất 1000 đồng/1.000.000 đồng/1ngày. Nguyễn Thị H1 bảo con trai là Ngô Việt S, sinh năm 1993 chuyển số tiền 2.500.000.000 đồng và H1 trực tiếp chuyển số tiền 200.000.000 đồng vào tài khoản số 35110000420989 của Nguyễn Thị H1 tại Ngân hàng BIDV. Sau khi nhận được tiền, H nộp thêm số tiền 1.600.000.000 đồng vào tài khoản rồi chuyển số tiền 4.124.800.000 đồng đến tài khoản số 35110000413192 Ngân hàng BIDV của Đỗ Thanh H theo yêu cầu của Nguyễn Văn T để trả nợ. Số tiền vay ngày 07/11/2017, H chưa trả được H1 tiền vay gốc và lãi.

Lần 3: Đến ngày 20/11/2017, do không có tiền trả nợ cho Phạm Thị Mỹ H nên Nguyễn Thị H tiếp tục đặt vấn đề vay H1 số tiền 3.500.000.000 đồng với lãi suất 1000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. H1 bảo Ngô Việt S chuyển số tiền 3.500.000.000 đồng vào tài khoản số 35110000469788 Ngân hàng BIDV của Phạm Thị Mỹ H theo yêu cầu của H, số tiền này H chưa trả được tiền vay gốc và lãi cho H2.

Sau khi phát hiện bị H gian dối chiếm đoạt tiền, H1 yêu cầu H phải trả lại tiền. H đã vay mượn của mọi người trong gia đình số tiền 1.500.000.000 đồng và chuyển nhượng các tài sản của vợ chồng H đang thế chấp tại Ngân hàng BIDV Lạng Sơn gồm: 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu CX5, Biển kiểm soát 12A-075.95, 01 ngôi nhà số 51A, khu P II, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn và 01 ngôi nhà ở khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang cho H1. Các tài sản thế chấp này sau khi trừ các khoản nợ tại Ngân hàng, số tiền thế chấp chênh lệch còn lại là 771.000.000 đồng H trả lại cho H1. Như vậy số tiền H đã trả cho H1 là 2.271.700.000 đồng.

Tổng số tiền Nguyễn Thị H đã chiếm đoạt của Nguyễn Thị H1 là **6.200.000.000 đồng**, đã trả được cho Nguyễn Thị H1 là **2.271.700.000 đồng**. H còn phải trả cho H1 **3.928.300.000 đồng**.

(BL 567 - 572, 589 - 601, 604 - 609, 612 - 621).

Ngoài việc gian dối chiếm đoạt số tiền của các bị hại nêu trên, Nguyễn Thị H còn có quan hệ vay tiền với Nguyễn Quốc H, Phạm Thị Mỹ H, Trịnh Thị Lan H và nhiều người khác, cụ thể:

Nguyễn Quốc H: Từ tháng 7/2016 đến tháng 10/2017, H đã nhiều lần đặt vấn đề vay mượn tiền của Nguyễn Quốc H để đầu tư kinh doanh và sửa chữa quán Café Đ. Tổng số tiền mà H vay Nguyễn Quốc H là 1.650.000.000 đồng. Khoảng tháng 8/2017, H có cho Nguyễn Quốc H vay lại số tiền 200.000.000 đồng. Hiện số tiền H còn phải trả cho Nguyễn Quốc H là 1.450.000.000 đồng. Nguyễn Quốc H không yêu cầu H phải trả (BL 439, 440, 447- 464).

Phạm Thị Mỹ H: Từ giữa năm 2016, H có vay tiền mặt trực tiếp của H nhiều lần, không nhớ chính xác số tiền, ngoài ra Phạm Thị Mỹ H còn chuyển tiền từ tài khoản 35110000469788 của Phạm Thị Mỹ H vào tài khoản 35110000420989 của H mở tại ngân hàng BIDV 03 lần. Tại Cơ quan điều tra, H khai lãi suất vay mượn tiền giữa H với Phạm Thị Mỹ H là từ 3000 đồng đến 10.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày; số tiền lãi Phạm Thị Mỹ H được hưởng trong quá trình cho H vay là từ khoảng 5.000.000.000 đồng đến 6.000.000.000 đồng. H không còn nợ tiền của Phạm Thị Mỹ H. Phạm Thị Mỹ H trình bày lãi suất vay mượn tiền giữa Phạm Thị Mỹ H với H chỉ là 1000 đồng/1.000.000đồng/ngày đối với các khoản vay trên 100.000.000 đồng và không tính lãi suất với các khoản vay dưới 100.000.000 đồng. H còn nợ Phạm Thị Mỹ H 8.000.000.000 đồng. Ngày 21/12/2018, Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa Phạm Thị Mỹ H và H nhưng cả hai vẫn giữ nguyên lời khai. Phạm Thị Mỹ H không yêu cầu H phải trả lại tiền (BL 608 – 613, 677).

Trịnh Thị Lan H: Từ khoảng năm 2012 đến năm 2017, H vay tiền của Trịnh Thị Lan H rất nhiều lần với lãi suất 2000 đồng/1.000.000 đồng/ ngày. Giữa hai bên cũng đã thanh toán cho nhau nhiều lần. Số tiền Trịnh Thị Lan H đưa trực tiếp cho H vay và số tiền H trả lại cho Trịnh Thị Lan H hiện không xác định được. Trịnh Thị Lan H chỉ nhớ được mã giao dịch chuyển qua tài khoản Ngân hàng BIDV sau khi được xem lại. Sau nhiều lần vay, trả tiền, H còn nợ Trịnh Thị Lan H số tiền 360.000.000 đồng. Trịnh Thị Lan H không yêu cầu H trả tiền (BL 874 - 875, 679).

Ngoài ra do lượng giao dịch quá lớn nên H chỉ nhớ được những giao dịch vay, mượn đối với những cá nhân nêu trên. Số giao dịch còn lại H không nhớ nhân thân, lai lịch của người cho vay. Thông qua sao kê tài khoản của H và K tại các Ngân hàng gồm: Tài khoản số 35110000420989, tài khoản số 35115000004670 và tài khoản số 35110000421317 tại Ngân hàng BIDV Lạng Sơn; các tài khoản số 8400205188679 tại Ngân hàng Agribank Lạng Sơn và tài khoản số 8414215006393 tại Ngân hàng Agribank huyện Hữu Lũng; tài khoản số 030023538081 và tài khoản số 030032442052 tại Ngân hàng Sacombank Lạng Sơn; tài khoản số 711A28934886, sau ngày 10/6/2017 chuyển thành số 109005190404 và tài khoản số 103000865437 tại Ngân hàng Vietinbank Lạng Sơn. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xác minh chi tiết các giao dịch liên quan đến số tiền vay, mượn nêu trên, có các sao kê kèm theo, cụ thể:

Đoàn Hồng D và Nguyễn Văn T là bố mẹ đẻ của Nguyễn Thị H có phát sinh các giao dịch nộp tiền vào tài khoản Ngân hàng của H và K, mục đích để cho H vay sử dụng thanh toán nợ cho Ngân hàng và trả nợ cá nhân. Bản thân bà Đoàn Hồng D và Nguyễn Văn T đều không biết về hoạt động gian dối của H (BL 718 - 725).

Đàm Minh V có phát sinh quan hệ vay tiền không lãi suất với H một số lần và đã thanh toán trả nợ đầy đủ cho H (BL 726).

Nông Hà L sử dụng số tài khoản 35110000115368 tại Ngân hàng BIDV Lạng Sơn đã giao dịch nhiều lần với tài khoản số 35110000421317 tại Ngân hàng BIDV của Nguyễn Trung K (chồng H). Sau nhiều lần vay tiền không lãi suất, Nông Hà L còn nợ vợ chồng K - H số tiền 100.000.000 đồng (BL 732,733)

Phan Văn T có số tài khoản 6090205590990 tại Ngân hàng Agribank phát sinh nhiều lần giao dịch với số tài khoản 35110000421317 Ngân hàng BIDV của K; đây là các giao dịch Nguyễn Quốc K nhờ K chuyển trả tiền cho Phan Văn T, toàn bộ số tiền này Nguyễn Quốc K đã trả đầy đủ cho K (BL 734,735).

Đỗ Thị Quỳnh A, phát sinh quan hệ cho H vay tiền một số lần không tính lãi suất và H đã thanh toán đầy đủ số tiền cho Đỗ Thị Quỳnh A, đây đều là các giao dịch vay, trả tiền giữa H với Đỗ Thị Quỳnh A (BL 736 - 741).

Sầm Thùy L có số tài khoản 711AB6271242 tại Ngân hàng Vietinbank phát sinh 01 giao dịch ngày 06/11/2016 với tài khoản số 35110000421317 tại

Ngân hàng BIDV của K, số tiền này K chuyển cho Sầm Thùy L để thanh toán tiền mua vật dụng cá nhân cho K (BL 742).

Nguyễn Thị L có số tài khoản 8408205003623 tại Ngân hàng Agribank phát sinh 01 giao dịch ngày 25/9/2017 với tài khoản số 8400205188679 tại Ngân hàng Agribank của H. Đây là tiền Đoàn Thu H1, sinh năm 1985, trú tại: Khu 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn trả nợ cho Nguyễn Thị L thông qua tài khoản của H (BL 744).

Nguyễn Văn H cầm cố chiếc xe ô tô nhãn hiệu Prado của Nguyễn Văn H cho H để vay số tiền 450.000.000 đồng vào ngày 28/7/2017. Sau đó Nguyễn Văn H đã thanh toán hết tiền cho H qua tài khoản số 35110000426482 của H mở tại Ngân hàng BIDV để chuộc xe ô tô (BL 750, 751).

Lê Thị Lan A có số tài khoản 19025351579025 tại Ngân hàng Techcombank có phát sinh nhiều giao dịch với tài khoản số 35110000420989 tại Ngân hàng BIDV của H; đây là các giao dịch vay, trả nợ cho nhau. Sau nhiều lần vay, H còn nợ của Lê Thị Lan A số tiền 280.000.000 đồng. Số tiền này Lê Thị Lan A không yêu cầu H trả (BL 752 - 754).

Lương Viết T phát sinh 01 giao dịch chuyển tiền đến tài khoản Ngân hàng Vietinbank của K, 04 giao dịch chuyển tiền đến tài khoản Ngân hàng BIDV và Ngân hàng Agribank của H. Đây là các giao dịch H vay của Lương Viết T. H còn nợ của Lương Viết T số tiền 70.000.000 đồng. Lương Viết T yêu cầu H phải trả lại số tiền này (BL 756, 757).

Nguyễn Quốc K có số tài khoản 35110000470647 tại Ngân hàng BIDV và số 8400205149047 tại Ngân hàng Agribank phát sinh nhiều giao dịch với tài khoản của H và K, đây là các giao dịch vay, trả nợ cho nhau. Mặt khác một số giao dịch được chuyển tiền đến và đi trong tài khoản của H, K là do Nguyễn Quốc K phát sinh giao dịch với những người khác nên nhờ tài khoản của H, K thực hiện giao dịch. Sau nhiều lần thanh toán, H còn nợ của Nguyễn Quốc K số tiền 5.400.000.000 đồng. Nguyễn Quốc K không yêu cầu H trả lại tiền (BL 758 - 761).

Trần Văn T có số tài khoản 2507205311315 tại Ngân hàng Agribank có phát sinh 01 giao dịch với tài khoản số 35110000420989 tại Ngân hàng BIDV của H vào ngày 17/7/2017. Đây là khoản tiền 300.000.000 đồng H chuyển vào tài khoản của Trần Văn T , nhờ Trần Văn T trả nợ cho ông Nguyễn Văn T và bà Đoàn Hồng D là bố mẹ đẻ của H (BL 762).

Nguyễn An G có số tài khoản 2507205429040 tại Ngân hàng Agribank phát sinh 02 giao dịch với tài khoản số 35110000420989 tại Ngân hàng BIDV và tài khoản số 8400205188679 tại Ngân hàng Agribank của H. Đây là các giao dịch vay, trả nợ cho nhau. Sau nhiều lần giao dịch, Nguyễn An G không xác định được số tiền H còn nợ và cũng không có yêu cầu trả lại tiền (BL 764).

Phan Thị H có số tài khoản 2213205115463 tại Ngân hàng Agribank phát sinh 01 giao dịch với tài khoản của H vào ngày 11/10/2017 số tiền 21.200.000 đồng. Đây là khoản tiền H thanh toán mua trang phục biểu diễn. H còn nợ của

Phan Thị H 9.000.000 đồng. Phan Thị H không yêu cầu H trả tiền (BL 766, 767).

Lưu Văn H có số tài khoản 0011004268191 tại Ngân hàng Vietcombank có phát sinh 01 giao dịch với tài khoản số 35110000420989 tại Ngân hàng BIDV của H vào ngày 27/10/2017 với số tiền 700.000.000 đồng. Đây là giao dịch H thanh toán cho Lưu Văn H để Lưu Văn H tu sửa, lắp đặt thiết bị cho quán Cafe Đ. Tổng số tiền H còn nợ của Lưu Văn H là 500.000.000 đồng. Lưu Văn H không yêu cầu H trả (BL 768,769).

Nguyễn Văn V có số tài khoản 2211205093212 tại Ngân hàng Agribank phát sinh 01 giao dịch với tài khoản số 35110000420989 tại Ngân hàng BIDV của H số tiền 70.000.000 đồng. Đây là giao dịch H chuyển tiền cho Nguyễn Văn V để thanh toán tiền làm tủ bếp (BL 770).

Nguyễn Anh T có tài khoản số 35110000411141 tại Ngân hàng BIDV và tài khoản số 1510205032444 tại Ngân hàng Agribank phát sinh 02 giao dịch với tài khoản số 35110000421317 tại Ngân hàng BIDV của K và tài khoản số 35110000420989 tại Ngân hàng BIDV của H (có sao kê kèm theo). Ngoài ra Nguyễn Hoài T là mẹ đẻ của Nguyễn Anh T có số tài khoản 8400205144247 tại Ngân hàng Agribank phát sinh 02 giao dịch với tài khoản số 35110000420989 tại Ngân hàng BIDV của H. Đây là những giao dịch H thanh toán nợ cho vợ chồng Nguyễn Anh T số tiền 140.000.000 đồng (BL 772- 775).

Đinh Xuân P có tài khoản số 0109559371 tại Ngân hàng Đông Á phát sinh 01 giao dịch với tài khoản số 030023538081 tại Ngân hàng Sacombank của H, số tiền 220.000.000 đồng. Đây là giao dịch H thanh toán trả tiền cho Đinh Xuân P để làm lễ giải hạn (BL 776, 777).

Chu Thị H có phát sinh giao dịch nhiều lần với tài khoản số 711A28934886 tại Ngân hàng Vietinbank của K, tài khoản 35110000420989 tại Ngân hàng BIDV và tài khoản số 8400205188679 tại Ngân hàng Agribank của H. Đây là các giao dịch vay, trả tiền giữa H với Chu Thị H. H còn nợ của Chu Thị H số tiền 277.500.000 đồng. Chu Thị H không yêu cầu H trả (BL 778,779).

Từ Thị D có tài khoản số 46010009459073 tại Ngân hàng BIDV và tài khoản số 2306205165973 tại Ngân hàng Agribank có nhiều lần phát sinh giao dịch với tài khoản số 35110000420989 tại Ngân hàng BIDV của H và tài khoản số 35110000421317 tại Ngân hàng BIDV của K. Đây là các giao dịch H thanh toán cho Từ Thị D để mua trang phục biểu diễn. H còn nợ của Từ Thị D số tiền khoảng 20.000.000 đồng. Từ Thị D không yêu cầu H trả (BL 780,781).

Trịnh Anh T có tài khoản số 35110000263218 tại Ngân hàng BIDV và tài khoản số 8400205185591 tại Ngân hàng Agribank phát sinh nhiều giao dịch với tài khoản số 35110000420989 tại Ngân hàng BIDV và tài khoản số 8400205188679 tại Ngân hàng Agribank của H. Đây là các giao dịch vay, trả tiền giữa Trịnh Anh T và H. Ngoài ra, ngày 04/10/2017, H mượn số tài khoản của Trịnh Anh T để người khác chuyển số tiền 3.400.000.000 đồng cho H (BL 782,783).

Hoàng Thị H1 có tài khoản số 8400215032285 tại Ngân hàng Agribank phát sinh 01 giao dịch với tài khoản số 35110000420989 tại Ngân hàng BIDV của H số tiền 60.000.000 đồng. Đây là khoản tiền H trả nợ cho H1. H còn nợ của H1 khoảng 1.000.000.000 đồng. H1 không yêu cầu H trả (BL 784, 785).

Hoàng Thu T có tài khoản số 8408215024360 tại Ngân hàng Agribank phát sinh 02 giao dịch với tài khoản số 8400205188679 tại Ngân hàng Agribank của H với tổng số tiền 49.000.000 đồng. Đây là giao dịch Hoàng Thu T thanh toán nợ của Hoàng Thế L, sinh năm 1988, trú tại: Xã C, huyện T, tỉnh Lạng Sơn cho H (BL 786- 788).

Trần Thu G có tài khoản số 8400205008890 tại Ngân hàng Agribank phát sinh giao dịch chuyển số tiền 2.700.000.000 đồng đến tài khoản số 35110000420989 tại Ngân hàng BIDV của H vào ngày 04/10/2017. Đây là giao dịch H mượn số tài khoản của Trần Thu G để Tăng Thúy V chuyển tiền đến (BL 790).

Vi Quang H sử dụng số tài khoản 8412215037755 tại Ngân hàng Agribank phát sinh nhiều giao dịch với tài khoản số 8400205188679 tại Ngân hàng Agribank và tài khoản số 35110000420989 tại Ngân hàng BIDV của H. Đây là các giao dịch vay, trả tiền giữa H và Vi Quang H. H còn nợ Hiền số tiền khoảng 4.000.000.000 đồng. Vi Quang H không yêu cầu H trả (BL 792, 793).

Nguyễn Thị Mai L có tài khoản số 35115000004759 tại Ngân hàng BIDV phát sinh nhiều giao dịch với tài khoản số 35110000420989 tại Ngân hàng BIDV của H và tài khoản số 35115000004670 tại Ngân hàng BIDV của K. Đây là các giao dịch vay, trả tiền giữa H với Nguyễn Thị Mai L. Ngày 28/9/2017, H mượn số tài khoản của Nguyễn Thị Mai L để Nguyễn Văn T chuyển 2.700.000.000 đồng. Số tiền H còn nợ Nguyễn Thị Mai L là 720.000.000 đồng. Nguyễn Thị Mai L không yêu cầu H trả (BL 794, 795).

Vũ Thị V có tài khoản số 1440205355798 tại Ngân hàng Agribank phát sinh nhiều lần giao dịch với tài khoản số 35110000420989 tại Ngân hàng BIDV và tài khoản số 8400205188679 của H. Đây là các giao dịch H thanh toán tiền mua trang phục biểu diễn. H còn nợ của V số tiền khoảng 5.000.000 đồng. V không yêu cầu H trả (BL 796, 797).

Đào Cẩm V có tài khoản số 8400205185737 tại Ngân hàng Agribank phát sinh nhiều giao dịch với tài khoản số 8400205188679 tại Ngân hàng Agribank của H. Đây là các giao dịch V trả nợ cho H.

Hoàng Thị T có tài khoản số 5493205295976 tại Ngân hàng Agribank phát sinh 01 giao dịch với tài khoản số 8400205188679 tại Ngân hàng Agribank của H số tiền 290.000.000 đồng. Đây là số tiền Hoàng Thị T cho H vay nhưng H chưa trả được. Thoi không yêu cầu H trả cho Hoàng Thị T số tiền trên (BL 800, 801).

Trần Thị D và Nguyễn Văn T có phát sinh giao dịch với H do Trần Thị D buôn bán hàng nông sản tại địa bàn thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Quá trình buôn bán có nhiều khách hàng là người Trung Quốc nhờ Trần Thị D nộp

tiền vào tài khoản của những người Việt Nam nên Trần Thị D cùng Nguyễn Văn T là lái xe chở nông sản cho Trần Thị D nộp nhiều lần tiền đến số tài khoản 35110000420989 tại Ngân hàng BIDV của H theo yêu cầu của khách hàng (BL 802 - 805).

Vũ Thúy H phát sinh giao dịch cho H vay số tiền 80.000.000 đồng. Ngày 28/7/2017, H sử dụng số tài khoản 35110000420989 tại Ngân hàng BIDV chuyển 80.000.000 đồng đến tài khoản số 8400215001390 tại Ngân hàng Agribank của Hoàng Văn L, sinh năm 1952, trú tại: Số 25, đường Đ, phường C, thành phố L để trả cho Vũ Thúy H (BL 806- 808).

Chu Thị D chuyển đến số tài khoản 35110000420989 tại Ngân hàng BIDV của H số tiền 20.000.000 đồng, đây là tiền Chu Thị D cho H vay không tính lãi suất và H đã chuyển trả nợ Chu Thị D số tiền 26.000.000 đồng (BL 810, 811).

Dương Đình K sử dụng tài khoản số 2504205361410 tại Ngân hàng Agribank phát sinh nhiều giao dịch với tài khoản số 35110000421317 tại Ngân hàng BIDV của K và tài khoản số 8400205188679 tại Ngân hàng Agribank của H. Đây là các giao dịch H thanh toán nợ cho Dương Đình K. Hiện nay số tiền H còn nợ của Dương Đình K không xác định được cụ thể và Dương Đình K không yêu cầu H trả (BL 812- 815).

Hoàng Thị M có tài khoản số 711A61388832 tại Ngân hàng Vietinbank phát sinh 01 giao dịch với tài khoản số 35110000421317 tại Ngân hàng BIDV của K vào ngày 11/12/2016 với số tiền 40.000.000 đồng. Đây là tiền K trả cho Hoàng Thị M để thanh toán tiền mua đồ gỗ (BL 817, 818).

Phạm Minh D có tài khoản số 8400205107178 tại Ngân hàng Agribank phát sinh giao dịch với tài khoản số 35110000421317 tại Ngân hàng BIDV của K vào ngày 03/11/2016 với số tiền 10.000.000 đồng. Đây là tiền K nhờ Phạm Minh D thanh toán, trả nợ tiền lãi của K cho Ngân hàng (BL 819, 820).

Nguyễn Thành C sử dụng tài khoản số 8408215020511 tại Ngân hàng Agribank phát sinh nhiều giao dịch với tài khoản số 8400205188679 tại Ngân hàng Agribank và tài khoản số 35110000420989 tại Ngân hàng BIDV của H. Đây là các giao dịch Nguyễn Thành C vay, trả tiền cho H. Ngoài ra ngày 04/10/2017, Nguyễn Thành C cho H mượn tài khoản số 8408205029170 tại Ngân hàng Agribank của Nguyễn Tuấn A (em trai Nguyễn Thành C) để Tăng Thúy V chuyển 2.100.000.000 đồng (BL 821, 822).

Vũ Quang V làm nghề đổi tiền tại chợ đổi tiền. Ngày 17/8/2017, Vũ Quang V chuyển số tiền 119.000.000 đồng vào tài khoản số 35110000420989 tại Ngân hàng BIDV của H theo yêu cầu của khách hàng và không xác định được người yêu cầu chuyển tiền (BL 823, 824).

Nguyễn Thị N có tài khoản số 2509205102250 tại Ngân hàng Agribank phát sinh nhiều giao dịch với tài khoản của H và tài khoản của K. Đây là các giao dịch vay, trả tiền giữa H và Nguyễn Thị N. H còn nợ của Nguyễn Thị N số tiền khoảng 500.000.000 đồng. Nguyễn Thị N không yêu cầu H trả. Ngoài ra,

ngày 04/10/2017, H mượn số tài khoản của Nguyễn Thị N để Tăng Thúy V chuyển 1.700.000.000 đồng (BL 825 – 827).

Nguyễn Thị T có tài khoản số 109000071831 tại Ngân hàng Vietinbank phát sinh 01 giao dịch với tài khoản số 35110000420989 tại Ngân hàng BIDV của H vào ngày 06/10/2017 với số tiền 118.000.000 đồng. Đây là tiền H chuyển cho Nguyễn Thị T để chi trả tiền thuê địa điểm bán trang phục biểu diễn (BL 829).

Nguyễn Viết P có tài khoản số 35115000003428 và tài khoản số 35110000404704 tại Ngân hàng BIDV phát sinh giao dịch nhiều lần với tài khoản số 8400205188679 tại Ngân hàng Agribank và tài khoản số 35110000420989 tại Ngân hàng BIDV của H. (BL 831, 832).

Đinh Trọng V, sinh năm 1979, trú tại: Tổ 6, khối 9, đường B, phường Đ, thành phố L. Ngày 26/6/2017, Đinh Trọng V nộp số tiền 188.800.000 đồng đến tài khoản số 35110000420989 tại Ngân hàng BIDV của H theo yêu cầu của bạn hàng và không xác định được người yêu cầu (BL 833).

Chu Văn H3 có số tài khoản 8402205037023 tại Ngân hàng Agribank phát sinh 01 giao dịch với tài khoản số 8400205188679 tại Ngân hàng Agribank của H vào ngày 06/10/2017 với số tiền 7.056.000.000 đồng. Do Chu Văn H3 làm ăn tại khu vực cửa khẩu cho các thương nhân Trung Quốc nên được những người này mượn số tài khoản Ngân hàng để nhờ rút tiền. Ngày 06/10/2017, H chuyển trả số tiền trên đến tài khoản số 8402205037023 của Chu Văn H3 (BL 835, 836).

Đoàn Thu H1 có tài khoản số 35110000308696 và tài khoản số 35115000002124 tại Ngân hàng BIDV phát sinh nhiều giao dịch với các tài khoản Ngân hàng của H và K. H còn nợ của H1 khoảng 4.000.000.000 đồng. H1 không yêu cầu H trả (BL 837 - 840).

Bùi Thu T phát sinh giao dịch chuyển số tiền 30.000.000 đồng đến tài khoản số 35110000421317 tại Ngân hàng BIDV của K vào ngày 23/11/2017. Đây là số tiền K vay của Bùi Thu T để H trả nợ cho Vi Quang H. Số tiền này K chưa trả cho Bùi Thu T, giữa K và Bùi Thu T sẽ tự thỏa thuận với nhau về khoản vay này (BL 841).

Nguyễn Thị B có tài khoản số 35115000001486 tại Ngân hàng BIDV phát sinh giao dịch chuyển số tiền 4.000.000.000 đồng đến tài khoản số 35110000420989 tại Ngân hàng BIDV của H vào ngày 25/8/2017. Do Nguyễn Thị B làm nghề đổi tiền nên khi khách yêu cầu, đã chuyển tiền để hưởng lợi nhuận. Nguyễn Thị B không xác định được người yêu cầu chuyển tiền (BL 843, 844).

Vũ Thị Thu H1 có tài khoản số 35110000041122 tại Ngân hàng BIDV phát sinh các giao dịch với tài khoản số 35110000420989 tại Ngân hàng BIDV của H. Các giao dịch giữa Vũ Thị Thu H1 với H đều là mượn tài khoản của nhau để rút tiền. Cụ thể, ngày 23/01/2017, Vũ Thị Thu H1 vay thế chấp tại Ngân hàng được số tiền 1.300.000.000 đồng nên nhờ tài khoản của H để chuyển tiền đến.

Sau đó H đã rút ra và trả cho Vũ Thị Thu H1. Ngày 28/9/2017, H mượn tài khoản của Vũ Thị Thu H1 để người khác chuyển số tiền 3.300.000.000 đồng (BL 845, 846).

Nguyễn Thị T có tài khoản số 8400205192125 tại Ngân hàng Agribank phát sinh giao dịch với tài khoản số 35110000421317 tại Ngân hàng BIDV của K vào ngày 23/11/2017 với số tiền 40.000.000 đồng. Đây là số tiền K chuyển cho Nguyễn Thị T để thanh toán khoản nợ của H cho Vi Quang H (BL 847).

Nguyễn Thị Thu T có phát sinh quan hệ vay tiền với H, cụ thể H có vay tiền của Nguyễn Thị Thu T 02 lần với số tiền 20.000.000 đồng và 48.000.000 đồng. Nguyễn Thị Thu T chuyển tiền vào tài khoản số 35110000420989 tại Ngân hàng BIDV của H. Sau đó H đã trả trực tiếp cho Nguyễn Thị Thu T (BL 849).

Nguyễn Thị H2 làm nghề đổi tiền. Ngày 17/8/2017, Nguyễn Thị H2 sử dụng số tài khoản 35110000047476 tại Ngân hàng BIDV chuyển 440.000.000 đồng đến tài khoản số 35110000420989 tại Ngân hàng BIDV của H và không nhớ người đã yêu cầu chuyển tiền (BL 851).

Nguyễn Thạc T có tài khoản số 35110000392972 tại Ngân hàng BIDV phát sinh giao dịch nhiều lần với tài khoản số 35110000420989 tại Ngân hàng BIDV của H. Đây là các giao dịch Nguyễn Thạc T chuyển tiền hộ khách hàng và không nhớ ai đã nhờ chuyển tiền (BL 853, 854).

Tạ Minh T có tài khoản số 35110000262880 tại Ngân hàng BIDV. Ngày 02/10/2017, H sử dụng tài khoản số 35110000420989 tại Ngân hàng BIDV chuyển số tiền 26.200.000 đồng đến số tài khoản của Tạ Minh T để thanh toán tiền H mua điện thoại di động tại cửa hàng Tạ Minh T (BL 855).

Trần Thị G có tài khoản số 35110000392459 tại Ngân hàng BIDV phát sinh các giao dịch với tài khoản số 35110000421317 tại Ngân hàng BIDV của K vào ngày 15/10/2017 và ngày 14/11/2017. Đây là các giao dịch K cho Trần Thị G vay tiền để mua quần áo; sau đó Trần Thị G đã trả lại tiền mặt trực tiếp cho vợ chồng K (BL 857, 858).

Lương Thị Ngọc B có tài khoản số 35115000000854 tại Ngân hàng BIDV phát sinh 01 giao dịch với tài khoản số 35110000420989 tại Ngân hàng BIDV của H vào ngày 28/9/2017 với số tiền 1.600.000.000 đồng. Đây là giao dịch H mượn số tài khoản của Lương Thị Ngọc B để chuyển tiền (BL 862).

Phạm Thị T có tài khoản số 35210000001196 tại Ngân hàng BIDV. Ngày 10/7/2017 Phạm Thị T chuyển số tiền 300.700.000 đồng đến số tài khoản 35110000420989 tại Ngân hàng BIDV của H và không xác định được người khách nào yêu cầu chuyển tiền (BL 864, 865).

Hoàng Thị T1 có tài khoản 35210000012037 tại Ngân hàng BIDV. Ngày 02/8/2017, Hoàng Thị T1 chuyển số tiền 872.690.000 đồng đến số tài khoản 35110000420989 tại Ngân hàng BIDV của H theo yêu cầu một người không xác định được (BL 866, 867).

Hoàng Văn D có số tài khoản 35210000019667 tại Ngân hàng BIDV và tài khoản số 030033202683 tại Ngân hàng Sacombank. Do Hoàng Văn D sinh sống tại khu vực cửa khẩu nên có quan hệ làm ăn, buôn bán với nhiều khách hàng khác nhau. Ngày 13/7/2017, Hoàng Văn D được nhờ chuyển số tiền 9.000.000.000 đồng từ tài khoản của Hoàng Văn D vào tài khoản số 35110000420989 tại Ngân hàng BIDV của H. Đây là giao dịch Hoàng Văn D chuyển tiền hộ khách hàng và không nhớ ai đã nhờ chuyển tiền. Sau đó Nguyễn Thị H cũng đã chuyển trả lại toàn bộ số tiền trên vào tài khoản của Hoàng Văn D (BL 868, 869).

Dương Hữu K có tài khoản số 35210000005505 và tài khoản số 35210000022319 tại Ngân hàng BIDV. Khuyến sinh sống và kinh doanh nông sản tại khu vực xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Từ ngày 14/7/2017 đến ngày 17/8/2017, H chuyển đến tài khoản số 35210000005505 và 35210000022319 của Dương Hữu K tổng số tiền 2.763.310.000 đồng. Đây là tiền các bạn hàng thanh toán tiền mua nông sản của Dương Hữu K và Dương Hữu K không xác định được người trả các khoản thanh toán này (BL 870, 871).

Đình Kim H có tài khoản 35210000007796 tại Ngân hàng BIDV. Đình Kim H sinh sống và kinh doanh nông sản tại thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Ngày 04/7/2017, Đình Kim H chuyển số tiền 5.000.000.000 đồng đến tài khoản số 35110000420989 tại Ngân hàng BIDV của H, đây là số tiền Đình Kim H chuyển hộ người khác, không xác định được là ai (BL 872, 873).

Nguyễn Thị H3 sử dụng số tài khoản 35110000444244 tại Ngân hàng BIDV. Ngày 16/01/2017, Nguyễn Thị H3 mượn số tài khoản 35110000420989 tại Ngân hàng BIDV của H để chuyển 1.100.000.000 đồng. Ngày 28/9/2017, H mượn số tài khoản 35110000444244 của Nguyễn Thị H3 để Nguyễn Văn T chuyển số tiền 4.000.000.000 đồng (BL 876, 877).

Trần Ngọc T, sinh năm 1980, trú tại: Số 66, đường H, phường C, thành phố L. Ngày 05/11/2017, K sử dụng tài khoản số 35110000421317 tại Ngân hàng BIDV chuyển số tiền 50.000.000 đồng đến tài khoản số 35110000045920 tại Ngân hàng BIDV của Trần Ngọc T để thanh toán tiền lắp đặt thiết bị điện cho cửa hàng bán trang phục biểu diễn và nhà ở số 51A, khu P II, phường C, thành phố L. H, K còn nợ của Trần Ngọc T tiền lắp đặt các thiết bị điện khoảng 40.000.000 đồng. Trần Ngọc T không yêu cầu H trả (BL 878, 879).

Nguyễn Hồng L là Giám đốc Công ty Cổ phần X Lạng Sơn. Ngày 28/7/2017, Nguyễn Hồng L có vay của H số tiền 1.000.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng. Cùng ngày Ngân hàng giải ngân khoản vay nên Nguyễn Hồng L đã có tiền và chuyển số tiền 1.001.000.000 đồng vào tài khoản số 35110000420989 tại Ngân hàng BIDV của H để trả nợ (BL 880, 881).

Phùng Văn M, sinh năm 1963, trú tại: Khu tập thể Đ, phường T, thành phố L. Ngày 15/5/2017, K sử dụng số tài khoản 35110000421317 tại Ngân hàng BIDV chuyển tiền vào tài khoản số 35110000060561 tại Ngân hàng BIDV của Phùng Văn M số tiền 10.000.000 đồng để nhờ Phùng Văn M mua đạo cụ âm nhạc (BL 882).

Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1994, trú tại: Số 7/4, đường L, phường H, thành phố L. Ngày 04/10/2017, Nguyễn Thị Thanh H cho H mượn số tài khoản 35110000448130 của Nguyễn Thị Thanh H tại Ngân hàng BIDV để người khác chuyển số tiền 2.306.500.000 đồng. Ngày 04/11/2017, K chuyển trả nợ Nguyễn Thị Thanh H số tiền 30.000.000 đồng đến tài khoản số 35110000448130 của Nguyễn Thị Thanh H tại Ngân hàng BIDV (BL 884,885).

Nguyễn Bích T làm nghề đổi tiền. Ngày 17/8/2017 và ngày 25/8/2017, Nguyễn Bích T sử dụng số tài khoản 35110000005155 và số tài khoản 35115000003260 tại Ngân hàng BIDV chuyển lần lượt số tiền 5.560.000.000 đồng và 3.000.000.000 đồng đến số tài khoản 35110000420989 của H, Nguyễn Bích T không nhớ ai là người yêu cầu chuyển tiền (BL 886, 887).

Trịnh Kim O làm nghề đổi tiền. Từ ngày 02/8/2017 đến ngày 25/8/2017, O sử dụng số tài khoản 35110000217826 và số tài khoản 35110000294245 tại Ngân hàng BIDV chuyển tiền nhiều lần đến tài khoản số 35110000420989 tại Ngân hàng BIDV của H theo yêu cầu của khách hàng và không xác định được người yêu cầu chuyển tiền (BL 888, 889).

Lương Thị Hồng H, sinh năm 1980, trú tại: Số 5/18, đường N, phường T, thành phố L. Ngày 28/9/2017, H mượn tài khoản số 35110000118451 tại Ngân hàng BIDV của Lương Thị Hồng H để chuyển số tiền 2.100.000.000 đồng đến; sau đó số tiền này đã được chuyển lại vào tài khoản số 35110000420989 tại Ngân hàng BIDV của H (BL 890, 891).

Lê Thị D, sinh năm 1961, trú tại: Số 194, đường B1, phường H, thành phố L, làm nghề đổi tiền. Ngày 17/8/2017, Lê Thị D sử dụng số tài khoản 35110000231525 tại Ngân hàng BIDV của Lê Thị D chuyển số tiền 1.524.000.000 đồng đến số tài khoản 35110000420989 tại Ngân hàng BIDV của H theo yêu cầu của khách hàng và không nhớ khách hàng nào đã yêu cầu chuyển tiền (BL 892, 893).

Hán Thị T, sinh năm 1957, trú tại: Số 295, đường T, khối 5, phường T, thành phố L làm nghề đổi tiền. Ngày 25/7/2018, Hán Thị T sử dụng số tài khoản 35110000011028 tại Ngân hàng BIDV của Hán Thị T chuyển số tiền 3.000.000.000 đồng đến tài khoản số 35110000420989 tại Ngân hàng BIDV của H theo yêu cầu của khách hàng và không nhớ rõ khách hàng nào đã yêu cầu chuyển tiền (BL 894, 895).

Cao Hương L, sinh năm 1974, trú tại: Số 74, đường T1, phường C, thành phố L, quen biết với Tăng Thúy V nên ngày 29/8/2017, V nhờ Cao Hương L chuyển 03 lần tiền với tổng số tiền 991.400.000 đồng đến tài khoản số 35110000420989 tại Ngân hàng BIDV của H (BL 896).

Bùi Thu T, sinh năm 1989, trú tại: Số 65, phố H, Hà Nội. Từ ngày 10/3/2017 đến tháng 9/2017, H chuyển đến tài khoản số 12210001000472 tại Ngân hàng BIDV của Bùi Thu T nhiều lần để thanh toán tiền mua trang phục biểu diễn của Bùi Thu T (BL 888, 889).

Lê Thị Thúy H, sinh năm 1994, trú tại: Số 802, tòa nhà 7A, đường L, phường M, quận C, thành phố Hà Nội. Từ ngày 23/02/2017 đến ngày 02/11/2017, H chuyển tiền đến tài khoản số 22010000778780 tại Ngân hàng BIDV của Lê Thị Thúy H số tiền 96.900.000 đồng để thanh toán tiền mua trang phục biểu diễn. H còn nợ Lê Thị Thúy H số tiền 34.800.000 đồng. Lê Thị Thúy H không yêu cầu Nguyễn Thị H phải thanh toán (BL 900, 901).

Lê Anh T, sinh năm 1980, trú tại: Số 190, đường A, phường Y, quận T, thành phố Hà Nội. Từ ngày 23/01/2017 đến ngày 10/11/2017, H chuyển tiền đến số tài khoản 36010000239297 tại Ngân hàng BIDV của Lê Anh T nhiều lần để thanh toán tiền mua trang phục biểu diễn. H còn nợ Lê Anh T khoảng 100.000.000 đồng. Lê Anh T không yêu cầu H phải trả (BL 902, 903).

Đỗ Thị Ngọc B, sinh năm 1987, trú tại: Số 103, ngõ 10A, đường B1, phường H, thành phố L. Ngày 12/11/2017, Đỗ Thị Ngọc B liên hệ với Đoàn Thu H1 để lấy tiền mặt, Đỗ Thị Ngọc B sẽ chuyển khoản cho H1. H1 đồng ý và bảo Đỗ Thị Ngọc B chuyển khoản đến tài khoản của H. Sau khi chuyển khoản xong, chồng Bích đã đến nhà H1 lấy tiền mặt (BL 904 - 905).

Đỗ Thanh H, sinh năm 1970, trú tại: Số 67, đường T, phường T, thành phố L. Ngày 07/11/2017, H chuyển tiền đến tài khoản của H1 theo yêu cầu của Nguyễn Văn T để thanh toán nợ (BL 906).

Đinh Trung H sử dụng số tài khoản 8400205183370 tại Ngân hàng AGRIBANK và số 35110000380339 tại Ngân hàng BIDV. Trong thời gian từ ngày 29/9/2016 đến ngày 25/10/2017, giữa Đinh Trung H với Nguyễn Trung K phát sinh các giao dịch là tiền vợ chồng H – K trả để thanh toán tiền lắp đặt, sửa chữa, mua mới các thiết bị cho quán Cafe Đ (BL 908-909).

Đào Thị T làm nghề kinh doanh ngoại hối. Từ ngày 29/6/2017 đến ngày 05/10/2017 giữa Đào Thị T với H phát sinh nhiều giao dịch với số lượng tiền lớn; bản thân Đào Thị T không nắm được cụ thể về nguồn gốc của những giao dịch này. H khai đây là hoạt động giao dịch H trả nợ cho những người khác, trong đó có Nguyễn Văn T (BL 910-911).

Đặng Thế H, sinh năm 1958, trú tại: LK27, N006, khu đô thị mới D, quận H, Hà Nội. Ngày 29/10/2017, K giao dịch chuyển tiền đến tài khoản của Đặng Thế H để thanh toán tiền mua trang phục biểu diễn (BL 912).

Lương Thị H, sinh năm 1971, trú tại: Số 332, đường L, phường H, thành phố L. Ngày 24/8/2017, H giao dịch chuyển tiền đến tài khoản của Lương Thị H để thanh toán tiền mua xe máy (BL 914-915).

Lương Thị Hồng V, sinh năm 1980, trú tại: Ngõ 180 đường N, phường T, thành phố L. Ngày 28/9/2017, V có phát sinh giao dịch với tài khoản của H; đây là số tài khoản V cho Vi Thị Hồng L mượn để thực hiện giao dịch nên không nắm rõ số tiền đến tài khoản và L cũng không biết cụ thể giao dịch của H vì L chỉ mượn hộ H tài khoản của V để H giao dịch (BL 916-917).

Võ Thị An P, sinh năm 1977, trú tại: Số 357, đường A, quận T, thành phố Hà Nội. Từ ngày 04/8/2016 đến ngày 04/10/2017, Võ Thị An P với H phát sinh nhiều giao dịch thông qua tài khoản. H còn nợ của Võ Thị An P số tiền khoảng 1.500.000.000 đồng. Võ Thị An P không yêu cầu H phải thanh toán khoản nợ này (BL 918-920).

Nguyễn Thị P, sinh năm 1976, trú tại: Số 25, phố P, phường H, quận H, thành phố Hà Nội (chị gái K). Từ ngày 18/01/2017 đến ngày 04/10/2017, Nguyễn Thị P có phát sinh nhiều giao dịch thông qua tài khoản của H. H còn nợ của Nguyễn Thị P số tiền khoảng 20.000.000 đồng. Nguyễn Thị P không yêu cầu H phải thanh toán khoản nợ (BL 922- 923).

Mai Xuân M, sinh năm 1970, trú tại khu tập thể P, phường Văn Quán, quận H, thành phố Hà Nội. Ngày 17/6/2017, Mai Xuân M phát sinh giao dịch thông qua tài khoản của Nguyễn Trung K. Số tiền K chuyển cho Mai Xuân M để thanh toán tiền K mua đàn Piano (BL 924 - 925).

Đỗ Trường S, sinh năm 1987, trú tại: Thôn Y, xã V, huyện G, Hà Nội. Ngày 22/5/2017, Nguyễn Trung K chuyển tiền vào tài khoản của Đỗ Trường S để giao dịch mua máy làm kem và nguyên liệu làm kem (BL 926 - 927).

Nguyễn Thị H4, sinh năm 1974, trú tại: Số nhà 394, đường G, phường Đ, quận L, thành phố Hà Nội đã sử dụng tài khoản số 15110000397942 của chồng là Nguyễn Văn T1 mở tại Ngân hàng BIDV. Ngày 19/10/2017 và ngày 02/11/2017 K chuyển tiền vào tài khoản của Nguyễn Văn T1 để giao dịch mua, bán trang phục biểu diễn nghệ thuật (BL 928) .

Nguyễn Thị Q, sinh năm 1971, trú tại: Số 347, phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Ngày 17/7/2017, K chuyển số tiền vào tài khoản của Nguyễn Thị Q để trả nợ cho Nguyễn Thị Q (BL 930).

Nguyễn Thị Thanh T là em gái của H. Từ ngày 26/12/2016 đến ngày 04/12/2017 có phát sinh nhiều giao dịch. Hiện nay H vẫn còn nợ tiền của Nguyễn Thị Thanh T. Thảo không yêu cầu H trả (BL 932 - 933).

Nguyễn Thu T có số tài khoản 13910000001775 tại Ngân hàng BIDV chuyển số tiền 881.000.000 đồng đến tài khoản số 35110000420989 tại Ngân hàng BIDV của H vào ngày 17/8/2017. Đây là số tiền mà Bùi Thị H - Sinh năm 1965, trú tại: Số 31, Phố M, phường T, thành phố L (Dì của Nguyễn Thu T) yêu cầu chuyển tiền đến số tài khoản của H. Bùi Thị H không quen biết H. Bùi Thị H chuyển tiền theo yêu cầu của khách để hưởng lợi nhuận (BL 936 - 939).

Vi Thị Hồng L phát sinh nhiều giao dịch với tài khoản số 35110000421317 tại Ngân hàng BIDV của K và tài khoản số 35110000420989 tại Ngân hàng BIDV của H. Đây là các giao dịch cho vay, trả nợ và rút tiền hộ giữa H với Vi Thị Hồng L. Ngoài ra H còn vay tiền của Vi Thị Hồng L nhiều lần, không tính lãi. Hiện nay H và Vi Thị Hồng L không còn nợ tiền nhau (BL 940 - 945).

(BL 627 - 634, 637 - 644, 647- 651, 655- 658, 661- 668, 689 – 693).

Ngoài các hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản của vợ chồng Nguyễn Văn T và Vi Thị Hồng O, Tăng Thúy V, Nguyễn Thị H1 thì tất cả các giao dịch nêu trên đều là quan hệ dân sự.

Ngày 06/01/2018, Bị cáo Nguyễn Thị H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn để đầu thú. Quá trình điều tra vụ án, bị can thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số: 15/CT-VKS-P3 ngày 26 tháng 02 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân và xin Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo và các bị hại đã thỏa thuận được với nhau về việc hoàn trả số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt. Đồng thời các bị hại yêu cầu xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật.

Đối với khoản vay ngày 08/12/2016, vợ chồng bị cáo Nguyễn Thị H vay ông Nguyễn Văn T số tiền 1.000.000.000 đồng để đầu tư kinh doanh trang phục biểu diễn và mở rộng quán café Đ, ông Nguyễn Văn T xác nhận bị cáo đã trả 700.000.000 đồng, còn nợ 300.000.000 đồng, ông Nguyễn Văn T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để giải quyết thành vụ việc dân sự. Bị cáo Nguyễn Thị H đồng ý với đề nghị này của ông Nguyễn Văn T.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại Tòa và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại Tòa nhưng có lời khai tại Cơ quan điều tra đều đề nghị tách phần vay nợ của bị cáo để giải quyết ở vụ án dân sự khác.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Thanh T: Đề nghị được trả lại chiếc đồng hồ Epos đã cho bị cáo Nguyễn Thị H mượn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị H về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự 1999. Sau khi phân tích tính chất mức độ của hành vi phạm tội và đề cập nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo trong vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm p, khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 34 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H mức án tù chung thân. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thị H.

Về phần dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử: Công nhận sự thỏa thuận về việc bồi thường giữa bị cáo và các bị hại, cụ thể: Bị cáo phải trả ông Nguyễn Văn T và bà Vi Thị Hồng O số tiền là 39.930.000.000 đồng; trả bà Tăng Thúy V số tiền là 7.070.000.000 đồng; trả bà Nguyễn Thị H2 số tiền là 3.928.300.000 đồng. Đối với khoản vay ngày 08/12/2016, vợ chồng H, K vay T số tiền 1.000.000.0000 đồng để đầu tư kinh doanh trang phục biểu diễn và mở rộng quán Café Đ, đã trả 700.000.000 đồng, còn 300.000.000 đồng. Cơ quan điều tra xác định đây là giao

dịch dân sự nên tách thành một vụ kiện dân sự khác. Phần vay nợ của bị cáo Nguyễn Thị H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tách ra thành vụ kiện dân sự khác.

Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án, gồm: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy J7Pro màu xanh da trời, máy cũ đã qua sử dụng; 01 (Một) vòng đeo tay kim loại màu vàng, bạc; 01 (Một) nhẫn kim loại màu trắng và 03 (Ba) nhẫn kim loại màu vàng; 50.000.000 đồng. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thanh T 01 (Một) đồng hồ nhãn hiệu Epos, mặt kim loại có màu vàng, quai da màu đen đã qua sử dụng.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị H: Bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, người bào chữa và những người tham gia tố tụng không có khiếu nại đối với quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Thị H tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy có đủ cơ sở để xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 04/2016 đến tháng 12/2017, bị cáo Nguyễn Thị H đã nhiều lần dùng thủ đoạn gian dối thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của vợ chồng Nguyễn Văn T và Vi Thị Hồng O, Tăng Thúy V và Nguyễn Thị H2 với tổng số tiền là: **50.928.300.000 đồng**

[3] Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Tội phạm và hình phạt được quy định cụ thể như sau:

“Điều 139. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân:

a. Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên;”

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị H là nguy hiểm cho xã hội và thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến khách thể là quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ,

đồng thời gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong dư luận quần chúng nhân dân; gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do hám lời nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện tội phạm.

[5] Để có mức án thỏa đáng đối với bị cáo Nguyễn Thị H, ngoài đánh giá về điều kiện hoàn cảnh phạm tội, tính chất mức độ của hành vi phạm tội, cần xem xét đến nhân thân của bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, cụ thể như sau:

[6] Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Thị H là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự.

[7] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội nhiều lần nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

[9] Khi lượng hình cần có một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Bị cáo phạm tội nhiều lần với nhiều người, chiếm đoạt với số tiền đặc biệt lớn. Mặc dù, bị cáo đã thành khẩn khai báo; ăn năn, hối cải nhưng cũng không đủ để chuộc lại tội lỗi mà bị cáo đã gây ra. Cần xử bị cáo mức án cao nhất của khung hình phạt, cần phạt tù bị cáo không thời hạn để răn đe, phòng ngừa tội phạm.

[10] Về hình phạt bổ sung: Qua xác minh, bị cáo Nguyễn Thị H không có tài sản để đảm bảo việc thi hành án, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[11] Về phần dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo và các bị hại thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường, cụ thể: Bị cáo Nguyễn Thị H phải trả số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại là ông Nguyễn Văn T và bà Vi Thị Hồng O số tiền là 39.930.000.000 đồng; trả cho bị hại là bà Tăng Thúy V số tiền là 7.070.000.000 đồng; trả cho bị hại là bà Nguyễn Thị H1 số tiền là 3.928.300.000 đồng và bị cáo phải chịu toàn bộ án phí. Thỏa thuận này là tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc, không trái pháp luật, không trái đạo đức, xã hội, không ảnh hưởng đến quyền lợi của người thứ ba nên cần chấp nhận.

[12] Đối với khoản vay ngày 08/12/2016, vợ chồng H, K vay T số tiền 1.000.000.0000 đồng để đầu tư kinh doanh trang phục biểu diễn và mở rộng quán Café Đ, đã trả 700.000.000 đồng, còn 300.000.000 đồng. Đây là giao dịch dân sự, tách thành một vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu khởi kiện.

[13] Cần tách phần vay nợ của bị cáo Nguyễn Thị H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thành vụ kiện dân sự khác.

[14] Về xử lý vật chứng: Những vật chứng thu giữ được là tài sản cá nhân của bị cáo không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo gồm: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy J7Pro màu xanh da trời, máy cũ đã qua sử dụng; 01 (Một) vòng đeo tay kim loại màu vàng, bạc; 01 (Một) nhẫn kim loại màu trắng và 03 (Ba) nhẫn kim loại màu vàng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Đối với 100 (Một trăm) tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng có tổng giá trị là 50.000.000 đồng thu giữ của bị cáo có nguồn gốc do bố mẹ bị cáo cho bị cáo, không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Hoàn trả cho chủ sở hữu tài sản không liên quan đến tội phạm 01 (Một) đồng hồ nhãn hiệu Epos, mặt kim loại có màu vàng, quai da màu đen đã qua sử dụng cho bà Nguyễn Thị Thanh T.

[15] Đối với Nguyễn Trung K: K có tham gia giao dịch 02 lần cùng H vay mượn tiền của Nguyễn Văn T và một lần vay mượn tiền của Tăng Thúy V. Nhưng K không được bàn bạc, trao đổi, không biết mục đích gian dối của H trong việc vay mượn, không được sử dụng số tiền nêu trên. Do vậy không có cơ sở để xác định Nguyễn Trung K đồng phạm với Nguyễn Thị H về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Văn T và Tăng Thúy V.

[16] Đối với Vi Thị Hồng L: Ngoài việc phát sinh quan hệ vay mượn tiền với H thì Vi Thị Hồng L còn liên hệ với bạn mượn tài khoản để H giao dịch; mặt khác theo lời khai của Nguyễn Văn T thì có nhiều lần khi H trả tiền cho T, H có nói phải chia lợi nhuận cho Vi Thị Hồng L trong các mã đảo hạn ngân hàng. Qua xác minh xác định nội dung này là do H tự nại ra với mục đích để hưởng thêm lợi nhuận trong các lần trả tiền cho T. Bản thân Vi Thị Hồng L không biết mục đích việc H mượn tài khoản, không biết H có hành vi gian dối đối với T, Vi Thị Hồng L cũng không được hưởng lợi nhuận liên quan đến hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị can H.

[17] Đối với những trường hợp giao dịch vay, mượn tiền với bị can H có phát sinh lãi suất nêu trên vượt quá mức lãi suất cho vay theo quy định trong Bộ luật dân sự, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã ra Quyết định tách vụ việc để đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xem xét, lập hồ sơ xử lý vi phạm hành chính.

[18] Bị cáo Nguyễn Thị H do bị kết án nên phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, ngoài ra bị cáo còn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

[19] Bị cáo; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 34 Bộ luật Hình sự 1999.

I. Về tội danh và hình phạt

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H tù chung thân. Thời hạn tù tính ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 08/01/2018

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

II. Về phần dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự 1999 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và các bị hại, cụ thể là:

1.1. Bị cáo Nguyễn Thị H phải hoàn trả cho bị hại ông Nguyễn Văn T và bà Vi Thị Hồng O số tiền là 39.930.000.000 đồng (ba mươi chín tỷ chín trăm ba mươi triệu đồng);

1.2. Bị cáo Nguyễn Thị H phải trả số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại là bà Tăng Thúy V số tiền là 7.070.000.000 đồng (bảy tỷ không trăm bảy mươi triệu đồng).

1.3. Bị cáo Nguyễn Thị H phải trả số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại là bà Nguyễn Thị H1 số tiền là 3.928.300.000 đồng (ba tỷ chín trăm hai mươi tám triệu ba trăm ngàn đồng).

Kể từ khi án có hiệu lực và có đơn thi hành án, bên chưa thi hành án sẽ phải chịu lãi suất theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với số tiền chưa thi hành cho bên được thi hành tại thời điểm thi hành án theo quy định của khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Đối với khoản vay ngày 08/12/2016, vợ chồng Nguyễn Thị H, Nguyễn Trung K vay Nguyễn Văn T số tiền 1.000.000.0000 đồng để đầu tư kinh doanh trang phục biểu diễn và mở rộng quán Café Đ, đã trả 700.000.000 đồng, còn 300.000.000 đồng. Đây là giao dịch dân sự, tách thành một vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu khởi kiện.

3. Tách phần vay nợ của bị cáo Nguyễn Thị H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thành vụ kiện dân sự khác.

III. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 41 của Bộ luật Hình sự 1999; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015;

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị H nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án gồm: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy J7Pro màu xanh da trời, máy cũ đã qua sử dụng, số IMEI1: 356446086713083/01 và số IMEI2: 356447086713081/01; 01 (Một) vòng đeo tay kim loại màu vàng, bạc; 01 (Một) nhẫn kim loại màu trắng và 03 (Ba) nhẫn kim loại màu vàng; 100 (Một trăm) tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, có tổng giá trị là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng)

Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh T 01 (Một) đồng hồ nhãn hiệu Epos mặt kim loại có màu vàng, quai da màu đen đã qua sử dụng;

(Các vật chứng nêu trên được thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/02/2019 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn và Cục thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn).

IV. Về án phí: Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị H phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bị cáo Nguyễn Thị H phải nộp 158.928.000 đồng (một trăm năm mươi tám triệu chín trăm hai mươi tám nghìn) để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08/4/2019); những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- PV27 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ; tòa hình sự; HCTP;
- KTNV & THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Long Kiếm